

# ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN TRONG CUỘC ĐỔI MỚI HIỆN NAY - MỘT PHƯƠNG ÁN TÍNH TỚI HIỆU QUẢ TỔNG HỢP CỦA KINH TẾ - GIÁO DỤC

**TS. PHẠM MINH MỤC**

**Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam**

**PGS.TS. DẶNG QUỐC BẢO**

1. "Không một hệ thống giáo dục nào có thể vươn cao quá tầm những giáo viên (GV) làm việc cho nó"

- "Không một hệ thống giáo dục nào có thể vươn cao quá tầm những GV làm việc cho nó" Đó là khẳng định của ông Raja Singh, nguyên Giám đốc UNESSCO khu vực Châu Á Thái Bình Dương trong cuốn chuyên khảo: "Nền giáo dục cho thế kỉ hai mươi mốt. Những triển vọng của Châu Á - Thái Bình Dương" (Viện Khoa học Giáo dục, Hà Nội, Xuất bản 1994)

Phát biểu trên có giá trị đặc biệt cho giáo dục nhiều nước, trong đó có nước ta trước bối cảnh hiện nay khi triển khai cuộc đổi mới căn bản và toàn diện.

Thiết nghĩ, việc quan trọng của cuộc đổi mới lần này và còn cần thiết cho cả quá trình đi lên của nền giáo dục nước ta chính là khâu *đào tạo GV*, việc thực hiện *chính sách sử dụng GV*, nuôi dưỡng cho xã hội sự *quý trọng người thầy - nghề thầy*.

Nói về tầm quan trọng của nhân tố GV trong cuộc giáo dục, Raja Roy Singh viết tiếp: "GV giữ vai trò quyết định trong quá trình giáo dục và đặc biệt trong việc định hướng lại giáo dục ... Trong quá trình dạy học, GV không chỉ là người truyền thụ tri thức rời rạc. GV giúp người học thường xuyên gắn với cơ cấu xã hội lớn hơn. GV cũng đồng thời là người hướng dẫn, người cố vấn, người mẫu mực với sự phát triển nhân cách người học. GV do đó không phải là người thầy về một ngành hẹp mà là người cán bộ tri thức, người học suốt đời trong công việc hoàn thiện quá trình dạy học. Người dạy, người học là những người bạn cùng làm việc, cùng nhau tìm hiểu và khám phá ... Đây là kiểu tình bạn đạo đức mà Aristoste đã từng đề cập" [1, tr 115-116]

- Phương Đông từ thời cổ đại đã có thông điệp "phi sư bất thành". Người thầy có vai trò quyết định đến nhân cách mỗi con người và đội ngũ người thầy có vai trò quyết định đến sự hưng vong của quốc gia. Sau Cách mạng Tháng 10, V.I. Lênin lãnh tụ của nhà nước Xô Viết đã chỉ đạo cho Bộ Dân ủy giáo dục thực hiện:

"Chúng ta phải làm cho GV ở nước ta có một địa vị mà trước đây họ chưa từng có, hiện nay vẫn chưa có vì không thể có được trong xã hội tư sản..."

Chúng ta phải tiến tới tình hình ấy bằng cách cố gắng nâng cao một cách có hệ thống, kiên nhẫn và

liên tục trình độ, tri thức của GV, chuẩn bị cho họ về mọi mặt để họ đảm đương được sứ mệnh cao cả của mình. Những điều chủ yếu, chủ yếu và luôn luôn là chủ yếu là nâng lương cho họ".

(Karl Marx, Engels, Lenin bàn về giáo dục. NXB Giáo dục, Hà Nội, 1984tr226)

- Bác Hồ, lãnh tụ kính yêu của dân tộc luôn luôn nhắc nhở lãnh đạo Đảng và chính quyền các cấp phải hết mức chăm lo sự phát triển nhà trường về mọi mặt, đặc biệt là quan tâm nhân tố người thầy.

Ngay khi kháng chiến chống Pháp gian khổ, Người đã chỉ đạo Trung ương thành lập khu học xá (đặt tại Trung Quốc) phát triển các trường sư phạm. Những thiết chế này tuyển chọn những thanh niên ưu tú vào học để kiến tạo đội ngũ GV cho nền giáo dục mới. Sản phẩm của các thiết chế này đã tạo nên một đội ngũ người thầy là Sư Huynh (người thầy cao quý) góp phần xứng đáng vào thắng lợi của hai cuộc chiến tranh ái quốc và thống nhất non sông.

Tuy nhiên, từ khi kinh tế phát triển theo chiều hướng tập trung bao cấp, tiếp đó là kinh tế thị trường với tư duy còn nhiều hạn chế về kinh tế - lao động với người GV và đội ngũ GV, nên ít chọn được người giỏi vào ngành sư phạm.

Quá trình đào tạo tại các trường sư phạm, sử dụng GV tại trường phổ thông còn để lại nhiều khó khăn và thiếu hụt trước yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục. Đang trống vắng những cuộc bàn luận thật hệ thống giữa nhà kinh tế, nhà giáo dục, người làm chính sách tổng hợp để tìm ra các giải pháp cho công việc cấp này khi "GV", "đội ngũ GV" bị giao thoa bởi ba làn sóng: *Kinh tế XHCN; Kinh tế tri thức; Kinh tế thị trường*.

Mặc dù GV vẫn được tăng lương, vẫn có các chính sách ưu đãi thêm nhưng không ít GV vẫn suy ngẫm và so sánh về thế vị của bản thân mình về nghề của mình với một số nghề khác của xã hội.

Người giáo sinh từ các trường sư phạm tốt ra trường dù có tốt nghiệp hạng ưu vẫn rất khó khăn trong việc xin việc hoặc được biên chế nhà nước khi xã hội đang có rất nhiều "uẩn khúc" trong quá trình xin việc.



**2. Hai mô hình đào tạo GV ấn tượng từng có và đang có ở nước ta, song chưa được tổng kết hệ thống về kinh tế giáo dục**

**2.1. Mô hình đào tạo GV phổ thông cấp III theo phương thức vừa học vừa làm những năm 80 của thế kỉ trước**

Phương thức này được thực hiện theo ý tưởng của GS Nguyễn Cảnh Toàn đã triển khai trên một số tỉnh thành miền Bắc do trường Đại học Sư phạm (ĐHSP) tiến hành vào những năm 80 của thế kỉ trước.

Một số trường cấp III đã chọn HS khá có nguyện vọng theo nghề thầy giáo thiêu về trường ĐHSP I (nay là trường ĐHSP Hà Nội). Trường phổ thông (PT) – nơi cử người đi học giúp cho sinh viên (khi được tuyển chọn) rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Trường ĐHSP chỉ đạo cho sinh viên tự học chuyên ngành đăng kí, theo kiểu học hàm thụ (lúc đó chưa có công nghệ thông tin để học từ xa). Sinh viên tham gia vào công việc của trường PT như một thành viên chính thức của trường, được nhận thù lao theo công sức do quỹ lao động sản xuất của nhà trường cung ứng và hoàn thành nghĩa vụ học tập của mình theo lịch biểu của trường ĐHSP quy định. Mỗi sinh viên được sự giúp đỡ của GV có tay nghề giỏi từ trường PT và giảng viên từ trường ĐHSP. Đáng tiếc là thập niên 90 và đặc biệt từ khi chuyển sang kinh tế thị trường, xu hướng đào tạo từ xa lặn át xu hướng vừa học vừa làm. Vì vậy, mô hình này đi vào “*Kí ức giáo dục*”.

**2.2. Mô hình đào tạo GV – nghiên cứu viên của những năm đầu thế kỉ XXI**

Phương thức đào tạo này được thực hiện ở trường Đại học Giáo dục (Đại học Quốc gia (ĐHQG) Hà Nội). Sinh viên được tuyển vào, học 3 năm đầu theo một chuyên ngành nào đó ở khoa chuyên môn (Toán, Văn, Lí, Hóa, Sử ... của ĐHQG). Năm cuối cùng được học chuyên sâu về nghiệp vụ sư phạm ... do các khoa của trường phụ trách.

Những sinh viên loại hình đào tạo này do trường Đại học Giáo dục đào tạo được hướng nghiệp nghề thầy. Ngay từ khi nhập học và suốt cả quá trình đào tạo đã được hướng dẫn kết hợp giữa dạy học và nghiên cứu khoa học giáo dục để có thể hình thành được một người có khả năng đa diện, vừa có thể làm thầy, vừa có thể là cán bộ nghiên cứu sau khi tốt nghiệp.

Do giới hạn về quỹ thời gian đào tạo (4 năm) nên thời lượng thâm nhập thực tế phổ thông của loại hình đào tạo này chưa nhiều. Sau 09 khóa đào tạo, đã cung cấp cho xã hội một số lượng không nhỏ sinh viên tốt nghiệp. Tuy nhiên, do cơ chế tuyển dụng công chức giáo dục hiện nay tại các địa phương còn nhiều phiền hà nên số tốt nghiệp theo mô hình này muốn tìm được một chỗ làm việc chính thức tại trường công lập

phải qua nhiều thử thách, có khi lại không phải là thử thách về kiến thức nghiệp vụ. Họ thường “thích ứng” với trường ngoài công lập và phát huy tốt tác dụng “*GV – nghiên cứu viên*” nơi họ công tác.

Cũng đã chín muồi để ĐHQG Hà Nội và Bộ Giáo dục – Đào tạo tổng kết các giá trị lí luận – thực tiễn của mô hình, chỉ ra điều nào cần nhân rộng, điều nào cần hỗ trợ hiệu chỉnh.

**2.3. Đánh giá những điểm tích cực và hạn chế của hai mô hình đào tạo trên trong hoàn cảnh nước ta hiện nay**

Mô hình do GS Nguyễn Cảnh Toàn đã triển khai có ưu thế đào tạo nghề thầy giáo thích ứng nhanh chóng với thực tiễn nhưng để tạo cho họ một tiềm năng tiến xa trong nền kinh tế tri thức thì chưa hẳn có thuận lợi. Mô hình này có nhiều nét giống với cách đào tạo “*tại chức*”.

Mô hình Đại học Giáo dục (ĐHQG Hà Nội) đang triển khai có ưu thế đào tạo người GV có tiềm năng nghiên cứu khoa học song để có năng lực “*sư phạm thực hành cụ thể*” thì đòi hỏi tiếp tục rèn luyện. Vẫn còn khoảng cách giữa đào tạo và thực trạng sử dụng nguồn nhân lực vào thực tiễn mà người quản lí với tư duy “*Làm được việc ngay*” chưa mặn mà.

**3. Kiến nghị một phương án đào tạo GV PT trong tình hình mới từ sự chất lọc mặt mạnh mô hình Nguyễn Cảnh Toàn đã có và ưu thế trường Đại học Giáo dục đang có**

**3.1. Phác thảo về nhân cách GV thời kì hiện đại**

Dù đi theo tiếp cận nào thì yêu cầu chung đối với người GV là người đó phải có năng lực ứng biến tốt với sự thay đổi, có khả năng tự học, tự đào tạo. Họ phải có khả năng thích ứng được trường công lập, trường ngoài công lập, trường dạy theo hòa nhập, trường dân tộc nội trú, ... Họ phải có khả năng tác nghiệp sư phạm trên lớp, phải có khả năng nghiên cứu khoa học giáo dục và rèn luyện cho HS khả năng này.

Không thể hi vọng 4 năm học tại trường sư phạm với những điều kiện khiêm tốn như hiện nay có thể đào tạo ngay người GV toàn năng như trên. Tuy nhiên, việc đào tạo sư phạm là rất quan trọng, nó đặt cơ sở ban đầu để sinh viên có “*năng lực thực hiện*” những nhiệm vụ tổng quát của người thầy. Đó là người cùng đồng nghiệp biết truyền đạo, biết thụ nghiệp, biết cho thế hệ trẻ.

Các phương án đào tạo GV trong cuộc đổi mới lần này (lấy thời gian tương ứng 2014 – 2020) vẫn phải tùy thuộc vào hoàn cảnh của đất nước: thu nhập quốc dân bình quân vẫn ở mức từ 1000 – 2000 USD. Cung ứng cho giáo dục, cho sư phạm chưa đổi đào, thời gian đào tạo vẫn bị giới hạn ở khung 4 năm, chế độ tuyển dụng

chưa phải được phân cấp ở mức triệt để, vai trò của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ vẫn có dấu ấn rất lớn cho việc tuyển GV công lập. Mọi kinh nghiệm hay của thế giới đáng được tham khảo, song khó hiện thực ngay vào Việt Nam do khác biệt về chính trị, văn hóa..

**3.2. Định hướng đào tạo GV trong giai đoạn hiện nay**

Từ kết quả đánh giá hai mô hình đào tạo của Nguyễn Cảnh Toàn và Đại học Giáo dục, quán triệt quan điểm kinh tế - giáo dục (lợi ích tổng hòa của cả kinh tế và giáo dục) và cần tận dụng tiến bộ của công nghệ thông tin, lí luận dạy học hiện đại (tín chỉ), chúng tôi đề xuất triển khai như sau: Lấy thời gian đào tạo được hạn định là 4 năm thì chia thành 2 giai đoạn:

**Giai đoạn 1** (2 năm), sinh viên học tập trung để nhận bằng cử nhân sư phạm đại cương. Chương trình của giai đoạn này cần kiến tạo bám sát với sự thay đổi cơ cấu môn học sẽ được ấn định cho trường phổ thông (từ kết quả triển khai đổi mới)<sup>1</sup>

Cần tận dụng 2 mùa hè năm thứ nhất, năm thứ hai (6 tháng) để sinh viên được trau dồi nghiệp vụ sư phạm, tạo cho họ khả năng sau giai đoạn này có thể đảm đương nhiệm vụ người thầy trên bục giảng. Rèn luyện cho họ phương pháp tự học, kĩ năng tự học.

**Giai đoạn 2** (2 năm), sinh viên có bằng cử nhân sư phạm đại cương sẽ thu nhận vào một cơ sở giáo dục làm việc tập sự và hoàn thành tín chỉ của giai đoạn 2 bằng cách tự học (được hỗ trợ bởi giáo dục từ xa).

Giai đoạn này, sinh viên được diu dắt bởi 2 cố vấn: cố vấn về thực tiễn từ trường phổ thông và cố vấn khoa học từ trường sư phạm.

Kinh phí đào tạo theo quy chế sẽ được trả cho các cố vấn này và hỗ trợ sinh viên tự học (cung cấp học liệu...)

Cũng cần tận dụng thời gian 2 mùa hè năm thứ 3, năm thứ 4 (6 tháng) để sinh viên được rèn luyện về nghiên cứu khoa học giáo dục, làm khóa luận tốt nghiệp và báo cáo kết quả khóa luận này.

Sinh viên hoàn thành tốt giai đoạn 2 nên được tuyển thẳng vào biên chế không phải qua thi công chức nếu sinh viên có nguyện vọng.

Làm tốt đào tạo giai đoạn 2 sẽ tạo nên các nhân tố thúc đẩy sự gắn kết sư phạm và phổ thông mà từ lâu vẫn chưa khởi sắc.

**3.3. Bất cứ một phương án mới nào để xuất trong hoàn cảnh hiện nay đều không thể coi là ưu việt hơn các phương án đang có (phương án mà ĐHSP và Đại học Giáo dục đang tiến hành).**

<sup>1</sup> Thực tế cho thấy những năm 50 của thế kỉ trước, Đào tạo ĐHSP chỉ có 2 năm mà có một lớp giáo viên tài năng đã ra trường, góp phần làm nên diện mạo mới của nền giáo dục cách mạng. Đại tướng Võ Nguyên Giáp lúc sinh thời khi ông đảm nhiệm chức Phó Thủ tướng phụ trách khoa học giáo dục cũng đã đề cập đại học 2 năm

Tuy nhiên, nó sẽ có tác dụng như điểm đối sánh để tìm ra những lợi ích nhất định trong tương quan với mục tiêu nào đó trong hoàn cảnh phát triển giáo dục đa dạng hiện nay.

Từ chỗ chỉ 5% dân cư đi học, ngày nay là 100% dân cư đi học (ở tuổi phổ cập), việc đào tạo người thầy đòi hỏi phải có sự cộng tác chặt chẽ của cả hai lĩnh vực: kinh tế - giáo dục, phải tìm ra các luận cứ, luận chứng thuyết phục để đi tới các giải pháp chấp nhận được. Chúng tôi chỉ dám nói sẽ có phương án chấp nhận được, không dám khẳng định làm cái nào là tối ưu trước tình hình giáo dục của nước ta hiện nay.

Xin trích thêm một lần nữa lời dạy của V.I. Lênin: *"Chỗ dựa vững chắc cho nhà nước Xô viết trước hết là chiến sĩ Hồng quân, tiếp theo là thầy cô giáo"*<sup>2</sup>

Đồng thời là lời dạy của Tagore, nhà văn hóa lỗi lạc của Ấn độ: *"Đầu tư vào một người đàn ông ta được người chồng tốt; Đầu tư vào một người vợ ta được một gia đình tốt; Đầu tư vào một nhà giáo ta được một thế hệ tốt"*.

Ngắm cho cùng, trách nhiệm với người thầy, đào tạo người thầy không chỉ riêng ai. Đó là trách nhiệm từ người quản lí cấp cao đến người dân bình thường, chỉ cần tấm lòng cho các hiến kế để xã hội có một nguồn chất lượng ưu đẳng.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Raja Roy Singh, *Nền giáo dục cho thế kỉ hai mươi mốt, những triển vọng của Châu Á - Thái Bình Dương*, Viện Khoa học Giáo dục, Hà Nội, 1994;
2. Hà Thế Ngữ, *Giáo dục học một số vấn đề lí luận và thực tiễn*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2001;
3. Nhiều tác giả, *Những vấn đề giáo dục hiện nay: Quan điểm và giải pháp*, NXB Tri thức, Hà Nội, 2007;
4. Quỹ hòa bình, *Thủ bản về định hướng phát triển giáo dục phổ thông 10 - 15 năm trước*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2010.

**SUMMARY**

*This paper touches upon teachers' training during the current innovation-a solution related to the synthetic effectiveness of educational economics. The author deeply analyzed two expressive models of teachers' training in Vietnam without summarizing the synthetic effectiveness of educational economic. These models are: upper secondary teachers' training model according to informal style in 1980s last century; teachers'-researchers' training model at the beginning of XXI century. The author also proposed suggestions to a new solution to train teachers at general schools in the current context that was refined from two above models.*

<sup>2</sup> Dẫn lại theo Phương Lưu, báo Văn nghệ số 42/2013